

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 23 - 6 - 2020

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Lâm

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thanh M, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 29/9, Tổ 44, Khu phố 3, phường A, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hồng Q, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 205/7, Tổ 53, Khu phố 7, phường N, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thanh M trình bày:

Bà M, ông Q là vợ chồng, chung sống với nhau năm 1998, đăng ký kết hôn ngày 02/6/1998 tại UBND phường N, thị xã (nay là thành phố) M, tỉnh Bình Dương.

Thời gian chung sống cuộc sống ổn định nhưng không có hạnh phúc, thường xuyên phát sinh tranh cãi, vì thương các con nên bà M nhẫn nhịn, chịu đựng để các con có đầy đủ tình yêu thương của cha mẹ.

Đầu năm 2018, ông Q không chịu đi làm, thường xuyên ăn nhậu, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình một mình bà M gánh vác, đã vậy còn kiêu chuyên, chửi mắng thô lỗ, xúc phạm danh dự bà M, làm cho tinh thần bà M mệt mỏi,

không thể chịu đựng được nữa. Hiện nay, bà M nhận thấy không còn tình cảm với ông Q nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà M, ông Q có 02 con chung là Lê Hồng A, sinh ngày 13/11/2000 và Lê Huỳnh Khánh N, sinh ngày 19/10/2009. Sau khi ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Huỳnh Khánh N, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Con chung Lê Hồng A đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Hồng Q không đến Tòa án để làm việc; không nộp văn bản nêu ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa,

- Bà M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt bà M, ông Q.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy hôn nhân của ông Q, bà M mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện về ly hôn, con chung của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Về hôn nhân: Bà M, ông Q chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận. Bà M nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn do vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, ông Q không có trách nhiệm với gia đình, chửi mắng, xúc phạm danh dự bà M. Ông Q không đến Tòa án trình bày ý kiến, phản bác ý kiến của bà M, do đó ý kiến của bà M thuộc trường hợp những tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời trình bày của bà M và thu thập chứng cứ, thấy rằng: Mâu thuẫn tình cảm giữa bà M và ông Q là có thật, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nền tảng một gia đình hạnh phúc không có. Tòa án thông báo cho ông Q đến Tòa hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng ông Q không đến. Chứng tỏ ông Q cũng không còn tình cảm với bà M, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà M, ông Qn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà M, ông Q có 02 con chung là Lê Hồng A, sinh ngày 13/11/2000 và Lê Huỳnh Khánh N, sinh ngày 19/10/2009. Sau khi ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Huỳnh Khánh N, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu N là nữ, hiện nay đang sống với bà M và có nguyện vọng sống cùng bà M nếu bà M, ông Q ly hôn. Do đó, Tòa chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà M. Về cấp dưỡng nuôi con, bà M không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

Đối với con chung Lê Hồng A hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa giải quyết.

[3] Về án phí: Bà M phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn bà Huỳnh Thanh M đối với bị đơn ông Lê Hồng Q về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

- Về hôn nhân: Bà M được ly hôn ông Q.
- Về con chung: Bà M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Huỳnh Khánh N, sinh ngày 19/10/2009.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu nên Tòa không xem xét, giải quyết.

Con chung Lê Hồng A hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Tòa án không giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông Q. Ông Q không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của bà M. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà M nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0041328, ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- UBND P.Chánh Nghĩa, TP.TDM;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình